

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Giáo trình TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 10.4.2021

NÓI VÔ THƯỜNG CHƯA HẸN HIỂU HẾT VÔ THƯỜNG

Kinh Đưa Đến Đoạn Tận (Upanīyasuttam)
& Kinh Thời Gian Trôi Qua (Accentisuttam)

(S.i,2) (S.i,3) (CHƯƠNG 1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN, PHẨM CÂY LAU)

Nhân gian có câu “việc người thì sáng, việc mình thì quáng”. Một vị trời Phạm thiên sống trong cảnh giới thọ mạng rất dài nhìn chúng sanh ở cõi người với tuổi thọ ngắn ngủi nên khởi tâm trắc ẩn. Vị này nói lên kệ ngôn khuyên nhân loại nên làm các công đức để sanh về phạm thiên giới nơi có tuổi thọ rất dài. Khi vị trời nói kệ ngôn trước Đấng Thế Gian Giải thì Bạc Đại Giác lưu ý rằng còn luân hồi trong ba cõi dù thọ mạng ngắn dài vẫn nằm trong vòng cương toả của vô thường và khuyên nên từ bỏ những cảm dỗ của trần gian để đạt đến niết bàn tịch tịnh.

Bài kinh số 4 cũng có kệ ngôn với ý nghĩa tương tự nên gom chung giảng trong bài này.



Kinh Văn

Sāvattthinidānaṃ . Ekamantaṃ t̥hitā kho s̥ devatā bhagavato santike imaṃ gāthaṃ abhāsi:

Nhân duyên ở Sāvattthī... Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

'Upanīyati jīvitamappamāyu,
Mạng sống bị dặt dần,
Tuổi thọ chẳng là bao,

Jarūpanītassa na santi tāṇā.
Bị dân đến già nua,
Không có nơi dừng bước.

Etaṃ bhayaṃ maraṇe pekkhamāno,
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,

Puññāni kayirātha sukhāvahānīti.
Hãy làm các công đức,
Đưa đến chơn an lạc.

(Thế Tôn):

''Upanīyati jīvitamappamāyu,
Mạng sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,

Jarūpanītassa na santi tāṇā.
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.

Etaṃ bhayaṃ maraṇe pekkhamāno,
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,

Lokāmiṣaṃ pajahe santipekkhoti.
Hãy bỏ mọi thế lợi,
Tâm hướng cầu tịch tịnh.



Kinh Văn

Sāvattthinidānaṃ. Ekamantaṃ ̄hitā kho sā devatā bhagavato santike imaṃ gāthaṃ abhāsi :

... Nhân duyên ở (Sāvattthī), đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

"Accenti kālā tarayanti rattiyo,
Thời gian lặng trôi qua,
Đêm ngày luôn di động,

Vayoguṇā anupubbaṃ jahanti.
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.

Etaṃ bhayaṃ maraṇe pekkhamāno,
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,

Puññāni kayirātha sukhāvahānīti.
Hãy làm các công đức,
Đưa đến chơn an lạc.

(Thế Tôn):

"Accenti kālā tarayanti rattiyo,
Thời gian lặng trôi qua,
Đêm ngày luôn di động,

Vayoguṇā anupubbaṃ jahanti.
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.

Etaṃ bhayaṃ maraṇe pekkhamāno,
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,

Lokāmiṣaṃ pajahe santipekkhoti..

Hãy bỏ mọi thế lợi,
Tâm hướng cầu tịch tịnh.



Thích văn

Jīvitamappamāyu: thọ mạng

Jarūpanīta: dẫn đến già nua, lão hoá

pekkhamāno: thấy được, nhận biết được

Puññāni: các công đức, các phước hạnh.

Lokāmiṣaṃ: Những cám dỗ của thế gian, những miếng mồi của thế gian (dịch thoát)

Santipekkhoti: hướng cầu tịch tịnh.



Thích nghĩa

Theo Sớ giải thì khi vị trời đọc kệ ngôn khuyên làm các công đức (*Puññāni kayirātha*) hàm nghĩa là tu tập thiền định để sanh về các cõi Phạm thiên sắc giới, vô sắc giới là cảnh giới có thọ mạng rất lâu.

Đức Phật cũng đồng ý cách nói về vô thường quan sự biến dịch nhanh chóng của thời gian nhưng Bạc Đạo Sư dạy hành trình khác hơn là từ bỏ những cám dỗ của trần gian (*lokāmiṣaṃ*) để hướng cầu cứu cánh giải thoát viên mãn Niết bàn. Chữ *lokāmiṣaṃ* dịch là “thế lợi” trong bản tiếng Việt có thể bị ngộ nhận là lợi đắc của thế gian như trong ý nghĩa của môi danh bã lợi. Từ ngữ này nên hiểu là những cuốn hút của ba cõi trầm luân tức sáu căn, sáu cảnh. (Mặc dù trong bản sớ giải cũng nói đến ý nghĩa thường tình là bốn nhu yếu y phục, thực phẩm, trú xứ và thuốc men)

Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng

-ooOoo-

3. Upanīyasuttam [Mūla]

3. Sāvattthinidānaṃ . Ekamantaṃ t̥hitā kho sā devatā bhagavato santike imaṃ gātham abhāsi:

"Upanīyati jīvitamappamāyu,
Jarūpanītassa na santi tāṇā.
Etaṃ bhayaṃ maraṇe pekkhamāno,
Puññāni kayirātha sukhāvahānīti..
"Upanīyati jīvitamappamāyu,
Jarūpanītassa na santi tāṇā.
Etaṃ bhayaṃ maraṇe pekkhamāno,
Lokāmiṣaṃ pajahe santipekkhoti..

3. Upanīyasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

3. Tatiye **upanīyatīti** parikkhīyati nirujjhati, upagacchati vā, anupubbena maraṇaṃ upetīti attho. Yathā vā gopālena gogaṇo nīyati, evaṃ jarāya maraṇasantikaṃ upanīyatīti attho. **Jīvanti** jīvitindriyaṃ. **Appanti** parittaṃ thokaṃ. Tassa dvīhākārehi parittatā veditabbā sarasaparittatāya ca khaṇaparittatāya ca. Sarasaparittatāyapi hi “yo, bhikkhave, ciraṃ jīvati, so vassasataṃ appaṃ vā bhiyyo”ti (dī. ni. 2.7; saṃ. ni. 2.143) vacanato parittaṃ. Khaṇaparittatāyapi. Paramatthato hi atiparitto sattānaṃ jīvitakkhaṇo ekacittappavattimattoyeva. Yathā nāma rathacakkaṃ pavattamānampi ekeneva nemippadesena pavattati, tiṭṭhamānampi ekeneva tiṭṭhati, evamevaṃ ekacittakkhaṇikaṃ sattānaṃ jīvitaṃ, tasmim citte niruddhamatte satto niruddhoti vuccati. Yathāha – atīte cittakkhaṇe jīvittha na jīvati na jīvissati, anāgate cittakkhaṇe jīvissati na jīvati na jīvittha, paccuppanne cittakkhaṇe jīvati na jīvittha na jīvissati.

“Jīvitaṃ attabhāvo ca, sukhadukkhā ca kevalā;
Ekacittasamāyuttā, lahuso vattate khaṇo.
“Ye niruddhā marantassa, tiṭṭhamānassa vā idha;
Sabbepi sadisā khandhā, gatā appaṭṭisandhikā.
“Anibbattena na jāto, paccuppanna jīvati;

Cittabhaṅgā mato loko, paññatti paramatthiyā”ti. (mahāni. 10);

Jarūpanītassāti jaraṃ upagatassa, jarāya vā maraṇasantikaṃ upanītassa. **Na santi tāṇāti** tāṇaṃ leṇaṃ saraṇaṃ bhavituṃ samatthā nāma keci natthi. **Etaṃ bhayanti** etaṃ jīvitindriyassa maraṇūpagamaṇaṃ, āyuparittatā, jarūpanītassa

tāṇābhāvoti tividhaṃ bhayaṃ bhayavatthu bhayakāraṇanti attho. **Puññāni kayirātha sukhāvahānī**ti viññū puriso sukhāvahāni sukhadāyakāni puññāni kareyya. Iti devatā rūpāvacarajjhānaṃ sandhāya pubbacetanaṃ aparacetanaṃ muñcacetanañca gahetvā bahuvacanavasena “puññānī”ti āha. Jhānassādaṃ jhānanikantiṃ jhānasukhañca gahetvā “sukhāvahānī”ti āha. Tassā kira devatāya sayam dīghāyukaṭṭhāne brahmaloke nibbattatā heṭṭhā kāmāvacaradevesu parittāyukaṭṭhāne cavamāne upapajjamāne ca thullaphusitake vuṭṭhipātasadise satte disvā etadahosi “ahovatime sattā jhānaṃ bhāvetvā aparihīnajjhānā kālaṃ katvā brahmaloke ekakappa-dvekappa-catukappa-aṭṭhakappa-soḷasakappa-dvattimsakappa-catusaṭṭhikappappamāṇaṃ addhānaṃ tiṭṭheyyu”nti. Tasmā evamāha.

Atha bhagavā – “ayaṃ devatā aniyyānikaṃ vaṭṭakathaṃ kathetī”ti vivaṭṭamassā dassento dutiyaṃ gāthamāha. Tattha **lokāmisanti** dve lokāmisā pariyāyena ca nippariyāyena ca. Pariyāyena tebhūmakavaṭṭaṃ lokāmiṣaṃ, nippariyāyena cattāro paccayā. Idha pariyāyalokāmiṣaṃ adhippetā. Nippariyāyalokāmiṣampi vaṭṭatiyeva. **Santipekkhoti** nibbānasaṅkhātāṃ accantasantiṃ pekkhanto icchanto patthayantoti.

Upanīyasuttavaṇṇanā niṭṭhitā.

4. Accentisuttam [Mūla]

4. Sāvattthinidānaṃ . Ekamantaṃ t̥hitā kho sā devatā bhagavato santike imaṃ gāthaṃ abhāsi :

"Accenti kālā tarayanti rattiyo,
Vayogunā anupubbaṃ jahanti.
Etaṃ bhayaṃ maraṇe pekkhamāno,
Puññāni kayirātha sukhāvahānīti..
"Accenti kālā tarayanti rattiyo,
Vayogunā anupubbaṃ jahanti.
Etaṃ bhayaṃ maraṇe pekkhamāno,
Lokāmiṣaṃ pajahe santipekkhoti..

4. Accentisuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

4. Catutthe **accentī**ti atikkamanti. **Kālā**ti purebhattādayo kālā. **Tarayanti rattiyo**ti rattiyo atikkamamānā puggalaṃ maraṇūpagamanāya tarayanti sīghaṃ sīghaṃ gamayanti. **Vayogunā**ti paṭhamamajjhimapacchimavayānaṃ guṇā, rāsayoti attho. “Anujānāmi, bhikkhave, ahatānaṃ vatthānaṃ diguṇaṃ saṅghāṭi”nti (mahāva. 348) ettha hi paṭalaṭṭho guṇaṭṭho. “Sataguṇā dakkhiṇā pāṭikaṅkhitabbā”ti (ma. ni. 3.379) ettha āniṣaṃsaṭṭho. “Antaṃ antaguṇa”nti ettha koṭṭhāsaṭṭho. “Kayirā mālāguṇe bahū”ti (dha. pa. 53) ettha rāsaṭṭho. “Pañca kāmaguṇā”ti ettha bandhanaṭṭho. Idha pana rāsaṭṭho guṇaṭṭho. Tasmā **vayogunā**ti vayoṛāsayo veditabbā. **Anupubbaṃ jahantī**ti anupaṭipāṭiyā puggalaṃ jahanti. Majjhimaṃvaye t̥hitaṃ hi paṭhamavayo jahati, pacchimavaye t̥hitaṃ dve paṭhamamajjhimā jahanti, maraṇakkhaṇe pana tayopi vayā jahanteva. **Etaṃ bhayanti** etaṃ kālānaṃ atikkamanaṃ, rattidivānaṃ taritabhāvo, vayogunānaṃ jahanabhāvoti tividhaṃ bhayaṃ. Sesāṃ purimasadisamevāti.

Accentisuttavaṇṇanā niṭṭhitā.